

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **126/2019/DS-PT**

Ngày: 14/8/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương và ông Nguyễn Duy Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Diệp - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLPT-DS ngày 04/7/2019 về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 172/2019/QĐPT-DS ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Văn L và bà Lê Thị X

Địa chỉ: Buôn Ea M, xã Ea B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Minh L

Địa chỉ: Số 59 T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B

Địa chỉ: Thôn x, xã Ea B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin thì nội dung vụ án như sau:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Minh L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 17/02/2016 ông Thái Văn L, bà Lê Thị X có cho ông Nguyễn Văn B vay số tiền 212.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Khi vay hai bên có viết "giấy vay mượn tiền", phía ông B đã ký vào bên người vay tiền, thời hạn trả nợ 20 ngày kể từ ngày vay, trong giấy vay thể hiện lãi suất theo thỏa thuận, khi vay chỉ có một mình ông B, không liên quan đến vợ con ông B. Đến hạn trả nợ nhưng không thấy ông Nguyễn Văn B trả tiền vay, do đó ông L và bà X đã liên lạc đòi ông B nhiều lần nhưng ông B cố tình né tránh không có thiện chí trả nợ. Vì vậy nay ông Thái Văn L và bà Lê Thị X làm đơn khởi kiện yêu

cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B phải trả nợ số tiền gốc là 212.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi trong hạn không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông Thái Văn L và bà Lê Thị X đồng ý giao cho ông Nguyễn Văn B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 529848, thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 5, cấp ngày 09/3/2012, sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân, sau khi ông Nguyễn Văn B trả nợ xong.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Vào ngày 17/02/2016 tôi có vay của ông Thái Văn L, bà Lê Thị X số tiền gốc 212.000.000đ để đáo hạn ngân hàng thời hạn trả nợ, lãi suất, giấy tờ biên nhận như ông Nguyễn Minh L trình bày là đúng, khi vay có mình tôi vay, vợ con không liên quan (vì vợ tôi đã chết). Đến hạn trả nợ ông L và bà X đòi tiền nhiều lần nhưng tôi không có tiền trả nợ. Nay ông Thái Văn L và bà Lê Thị X khởi kiện thì tôi đồng ý trả số tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi suất với điều kiện là ông Thái Văn L và bà Lê Thị X phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 529848, thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 5, cấp ngày 09/3/2012, sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân đứng tên tôi ngay tại Tòa án. Nếu ông L bà X không đồng ý với thiện chí thỏa thuận trả nợ của tôi như đã nêu trên, thì tôi xin thay đổi nội dung tại bản tự khai ngày 03/4/2019 được bổ sung lại bản tự khai ngày 04/5/2019.

Tại bản án số 05/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 476 BLDS 2005

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn L và bà Lê Thị X.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Thái Văn L và bà Lê Thị X số tiền 212.000.000 đồng tiền gốc và 62.487.000 đồng lãi suất.

Ông Thái Văn L và bà Lê Thị X có trách nhiệm trả lại sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 529848, thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 5, cấp ngày 09/3/2012 đều đứng tên ông Nguyễn Văn B cho ông Nguyễn Văn B.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B phải nộp 13.724.350 đồng án phí DSST.

Ông Thái Văn L và bà Lê Thị X được nhận lại số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0007307 ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/6/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Không tính lãi đối với số tiền nợ 212.000.000 đồng; Buộc nguyên đơn phải trả các giấy tờ tùy thân đang thu giữ; Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định: Trong giấy vay mượn tiền ngày 17/02/2016 thể hiện khoản tiền vay 212.000.000 đồng có mức lãi suất thỏa thuận đôi bên. Ông Nguyễn Văn B đã thừa nhận số nợ nên Tòa sơ thẩm buộc ông B phải trả cho ông Thái Văn L và bà Lê Thị X số tiền 212.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, sau khi kháng cáo bị đơn đã cung cấp được chứng cứ mới là gia đình hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Xét phần kháng cáo này là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bên đều thừa nhận: Ông Thái Văn L, bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn B có quan hệ quen biết, vay mượn với nhau. Ngày 17/02/2016 ông Thái Văn L, bà Lê Thị X đã cho ông Nguyễn Văn B vay số tiền 212.000.000 đồng, có lập giấy vay mượn tiền đề ngày 17/02/2016. Thời hạn vay 20 ngày kể từ ngày 17/02/2016, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ nhưng ông B không thực hiện đúng như cam kết là vi phạm hợp đồng. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng: Trong quá trình hoà giải tại cấp sơ thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi suất theo nội dung đơn khởi kiện, trong khi đó, tại Giấy vay tiền thì các bên không ghi cụ thể lãi suất là bao nhiêu %, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tính lãi suất từ khi vay đến thời điểm xét xử là không phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo và tính lại lãi suất mà bị đơn phải chịu cho đúng quy định của pháp luật, cụ thể là: Từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 09/3/2016 cho đến ngày

xét xử sơ thẩm 29/5/2019 được tính như sau: 212.000.000 đồng x 0.75% x 1176 ngày = 62.328.000 đồng.

Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Bởi lẽ: Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn cung cấp chứng cứ mới là đơn xin miễn án phí và giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo mang tên ông Nguyễn Văn B năm 2018 – 2019. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016, cần chấp nhận phần kháng cáo này của nguyên đơn.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp.

[3] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần, nên ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn B, sửa bản án DSST số 05/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn L và bà Lê Thị X.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Thái Văn L và bà Lê Thị X tổng số tiền 274.328.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 212.000.000 đồng và nợ lãi là 62.328.000 đồng.

Ông Thái Văn L và bà Lê Thị X có trách nhiệm trả lại sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 529848, thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 5, cấp ngày 09/3/2012 đều đứng tên ông Nguyễn Văn B cho ông Nguyễn Văn B.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Thái Văn L và bà Lê Thị X được nhận lại số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0007307 ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh